

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 841/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (gồm 12 TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các quy trình nội bộ thứ tự số 12 Mục I ban hành kèm theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bãi bỏ Danh mục quy trình nội bộ thứ tự số 2, 3, 4, 6, 8, 9 Mục I và thứ tự số 7, 16, 17 Mục II ban hành kèm theo Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

3. Bãi bỏ Danh mục quy trình nội bộ thứ tự số 2, 5 Phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh hoặc Bộ, ngành, Trung ương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, htbmai.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH
HIỆN HÀNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
1	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	
2	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	
3	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng)	
4	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	
5	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	
6	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	
7	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	
8	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	
9	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
10	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	

11	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	
12	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ

1. Công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Mã TTHC: 1.010090). Tổng thời gian thực hiện 20 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 10 ngày làm việc (80 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Công chức tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở NN&MT) tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TT&BVTT)	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	52 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	

	- Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.			
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	06 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

2. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại (Mã TTHC: 1.007994). Tổng thời gian thực hiện 10 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 05 ngày làm việc (40 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	

B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	12 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	06 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

3. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng) (Mã TTHC: 1.007999). Tổng thời gian thực hiện 10 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 05 ngày làm việc (40 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVT	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVT	12 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVT	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVT	06 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	

B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
----	--	--	----------------------------	--

4. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc (Mã TTHC: 1.012070)

Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. Tổng thời gian thực hiện 16 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 8 ngày làm việc (64 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVT	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVT	32 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVT	04 giờ	

B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVT	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Mã TTHC: 1.007927). Tổng thời gian thực hiện 20 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 10 ngày làm việc (80 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVT	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVT	48 giờ	

B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Mã TTHC: 1.007928)

Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). Tổng thời gian thực hiện 20 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 10 ngày làm việc (80 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	

B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	48 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số.	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử)	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

7. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (Mã TTHC: 1.007926). Tổng thời gian thực hiện 20 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 10 ngày làm việc (80 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	

	kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.			
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	48 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử)	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

8. Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (Mã TTHC: 1.008003)

Trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Tổng thời gian thực hiện 20 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 10 ngày làm việc (80 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	52 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	06 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ	

B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 1.004363). Tổng thời gian thực hiện 15 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 7,5 ngày làm việc (60 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	02 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	32 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	02 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	4 giờ	

B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	12 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử)	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

10. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 2.001236). Tổng thời gian thực hiện 16 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 8 ngày làm việc (64 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	32 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	

B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số.	Lãnh đạo Sở NN&MT	12 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

11. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (mã TTHC: 2.001427). Tổng thời gian thực hiện 25 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 12,5 ngày làm việc (100 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện - Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	64 giờ	

B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số.	Lãnh đạo Sở NN&MT	12 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	

12. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Mã TTHC: 1.002560). Tổng thời gian thực hiện 25 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm 50% thời gian còn lại 12,5 ngày làm việc (100 giờ)).

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật các bước thực hiện vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Hồ sơ hợp lệ, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp phí, lệ phí, ...). - Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	04 giờ	
B2	- Xem xét, kiểm tra hồ sơ - Phân công thực hiện	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	

	- Hồ sơ chưa hợp lệ, đầy đủ theo quy định chuyển lại bộ phận tiếp nhận yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ			
B3	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Trình Lãnh đạo phòng xem xét	Chuyên viên Chi cục TT&BVTV	64 giờ	
B4	- Lãnh đạo phòng xem xét phê duyệt, trình Lãnh đạo Chi cục. - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về chuyên viên kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại.	Lãnh đạo cấp phòng Chi cục TT&BVTV	04 giờ	
B5	- Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt - Kết quả cần điều chỉnh chuyển về Lãnh đạo phòng kiểm tra hoàn chỉnh và trình lại	Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV	08 giờ	
B6	- Lãnh đạo Sở ký duyệt - Chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở NN&MT	12 giờ	
B7	- Văn thư Sở quét ký số - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	04 giờ	
B8	- Vào sổ theo dõi - Trả kết quả (bản giấy và bản ký điện tử).	Công chức (TN&TKQ) Sở (NN&MT) tại TTPVHCC	Không tính thời gian	